

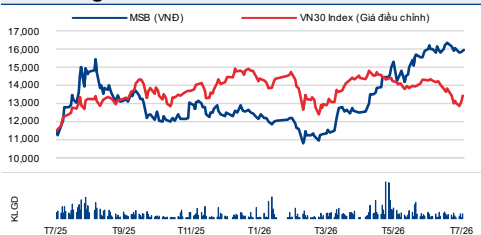
Nắm giữ

Giá mục tiêu: VNĐ16,200

Tiềm năng tăng/giảm: 1.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	15,950
Mã Bloomberg	MSB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	10,800-16,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	15,850
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	54,294
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	2,064
Slg CP lưu hành (tr.đv)	3,404
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	729
Slg CP NN được mua (tr.đv)	163
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.64%
Tỷ lệ freefloat	67.1%
Cổ đông lớn	VNPT (6.05%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	407,674	445,173	500,659
Dư nợ cho vay (ntđ)	205,209	236,020	267,664
Tổng thu nhập HĐ (ntđ)	14,045	17,018	18,347
Lợi nhuận thuần (ntđ)	5,629	6,663	6,757
BVPS (đồng)	13,605	15,746	17,911
EPS (đồng)	1,804	2,135	2,166
DPS (đồng)	0	0	0
T.trưởng cho vay KH (%)	16.3	15.0	13.4
T.trưởng thu nhập HĐ (%)	(1.22)	21.2	7.82
Tăng trưởng EPS (%)	1.97	18.4	1.41
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0
ROAE (%)	14.2	14.6	12.9
ROAA (%)	1.55	1.56	1.43
Tỷ lệ NIM (%)	3.15	3.18	3.26
Tỷ lệ CIR (%)	36.1	35.9	35.8
Hệ số CAR (%)	12.7	11.9	13.3
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.69	2.85	2.80
LLR/nợ xấu (%)	51.6	45.6	45.3
Hệ số LDR (%)	104	112	112
P/B (lần)	1.17	1.01	0.89
P/E (lần)	8.84	7.47	7.36
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam là ngân hàng tư nhân quy mô vừa và nhỏ tại Việt Nam, tập trung vào mảng bất động sản và cho vay mua nhà.

Chuyên viên phân tích**Nguyễn Bảo Ngọc**

Chuyên Viên , Ngành Dịch Vụ Tài Chính
ngoc.nguyenbao@hsc.com.vn
+84 3 4605 3471 Ext. 4883

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

LNTT Q2 đi ngang so với cùng kỳ, thấp hơn dự báo

- LNTT Q2/2026 của MSB đi ngang so với cùng kỳ đạt 1,5 nghìn tỷ đồng, thấp hơn dự báo của chúng tôi do tỷ lệ NIM và thu nhập từ hoạt động kinh doanh nguồn vốn thấp hơn kỳ vọng. LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 3,4 nghìn tỷ đồng (tăng 8% so với cùng kỳ), hoàn thành 41% dự báo cả năm 2026 của chúng tôi.
- Tín dụng tiếp tục tăng trưởng mạnh 11,4% kể từ đầu năm, trong khi tỷ lệ NIM giảm 29 điểm cơ bản so với quý trước do tốc độ tái định lại lãi suất tài sản chậm hơn. Chất lượng tài sản nhìn chung vẫn ổn định, mặc dù tỷ lệ lãi dự thu ở mức cao kỷ lục cho thấy những rủi ro tiềm ẩn.
- Sau khi giá cổ phiếu giảm 3% trong 1 tháng qua, MSB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,01 lần, thấp hơn 22% so với bình quân ngành. HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu.

Sự kiện: KQKD Q2/2026 và họp báo KQKD

LNTT Q2/2026 đạt 1,5 nghìn tỷ đồng, đi ngang so với cùng kỳ và thấp hơn dự báo của chúng tôi, chủ yếu do tỷ lệ NIM và thu nhập từ HĐKD nguồn vốn thấp hơn kỳ vọng. Nhìn chung, kết quả kinh doanh Q2/2026 phản ánh thu nhập ngoài lãi kém tích cực do lỗ từ HĐKD nguồn vốn nhưng được bù đắp một phần nhờ chi phí được kiểm soát chặt chẽ với chi phí hoạt động gần như đi ngang và chi phí dự phòng giảm 22% so với cùng kỳ. Theo đó, LNTT nửa đầu năm 2026 đạt 3,4 nghìn tỷ đồng, tăng 8% so với cùng kỳ và hoàn thành 41% dự báo cả năm của chúng tôi.

Trong cuộc họp công bố KQKD Q2/2026, BLĐ đã cập nhật một số hoạt động quan trọng, nhìn chung giống với kế hoạch đã đặt ra trước đó.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Tóm tắt KQKD Q2/2026 và các chỉ số quan trọng, MSB

(Tỷ đồng)	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ	% HSCF
Thu nhập lãi thuần	2,585	3,001	16%	5,089	6,199	22%	48%
Thu nhập ngoài lãi	950	394	-59%	1,705	846	-50%	20%
Lãi thuần HĐ dịch vụ	492	296	-40%	909	544	-40%	29%
Lãi thuần HĐKD ngoại hối	246	-34	-114%	501	84	-83%	10%
Lãi thuần mua bán trái phiếu	78	-52	-167%	66	-136	-305%	80%
Thu nhập khác	135	185	37%	228	354	55%	21%
Tổng thu nhập HĐ	3,535	3,395	-4%	6,793	7,044	4%	41%
Chi phí HĐ	-1,304	-1,325	2%	-2,538	-2,584	2%	42%
Lợi nhuận HĐ trước trích lập dự phòng	2,231	2,070	-7%	4,255	4,460	5%	41%
Chi phí dự phòng	-689	-538	-22%	-1,082	-1,038	-4%	40%
LNTT	1,542	1,532	-1%	3,173	3,423	8%	41%
Thu nhập thuần	1,237	1,251	1%	2,503	2,765	10%	41%
Các chỉ số quan trọng							Ghi chú
Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm	13.5%	11.4%	-2.1 điểm %	MSB đã sử dụng hết hạn mức tăng trưởng tín dụng ban đầu trong Q2/2026			
Tăng trưởng tín dụng so với đầu năm của Ngân hàng mẹ	13.4%	10.4%	-3.0 điểm %				
Tỷ lệ NIM	3.3%	3.0%	-26 điểm cơ bản	Tỷ lệ NIM giảm 29 điểm cơ bản so với quý trước, thấp hơn các NHTM khác và không đạt kỳ vọng của chúng tôi. Ban lãnh đạo kỳ vọng NIM sẽ phục hồi			
Tỷ lệ nợ xấu	2.7%	2.5%	-0.2 điểm %	Tỷ lệ nợ quá hạn báo cáo nhìn chung vẫn trong tầm kiểm soát			
Tỷ lệ nợ nhóm 2	1.2%	1.3%	0.1 điểm %				

Nguồn: MSB, HSC

Tín dụng tăng trưởng vững chắc

Tăng trưởng tín dụng tăng tốc lên 11,4% kể từ đầu năm (tăng 7,3% so với quý trước). Tại Ngân hàng mẹ, tổng dư nợ tín dụng tăng 10,4% kể từ đầu năm (tăng 7,8% so với quý trước), đã sử dụng hết hạn mức tăng trưởng được NHNN cấp ban đầu, trong khi tín dụng tại công ty con tài chính tiêu dùng TNEX Finance tăng 63,6% kể từ đầu năm (giảm 7,8% so với quý trước).

Cho vay bán lẻ tiếp tục vượt trội so với ngành, tăng 16,7% kể từ đầu năm, chủ yếu nhờ cho vay mua nhà (tăng 17,5%). Trong khi đó, cho vay khách hàng doanh nghiệp cũng tăng mạnh 9,1% kể từ đầu năm, dẫn dắt bởi ngành BĐS (tăng 12,8%), xây dựng (tăng 18,1%) và dịch vụ tài chính (tăng 51,8%, mặc dù so với mức nền thấp).

Huy động vẫn tăng trưởng chậm hơn so với tín dụng, trong đó tổng huy động tăng 3,6% kể từ đầu năm (tăng 3% so với quý trước). Tiền gửi khách hàng tăng 4,1% kể từ đầu năm, trong khi giấy tờ có giá nhìn chung đi ngang. Do đó, hệ số LDR điều chỉnh tăng lên 98% từ 94% trong Q1/2026 và 92% vào cuối năm 2025, tuy nhiên thanh khoản vẫn trong tầm kiểm soát.

Tỷ lệ NIM giảm ngoài dự báo

Tỷ lệ NIM giảm 29 điểm cơ bản so với quý trước và giảm 26 điểm cơ bản so với cùng kỳ xuống 3,02%, thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi là Ngân hàng sẽ duy trì được tỷ lệ NIM cốt lõi ở mức khoảng 3,3%, sau khi đã giữ vững được kết quả này trong 8 quý liên tiếp.

Tỷ lệ NIM thu hẹp chủ yếu do tốc độ tái định lại lãi suất tài sản chậm hơn so với chi phí huy động.

- Chi phí huy động tăng 62 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 103 điểm cơ bản so với cùng kỳ, nhìn chung tương đương bình quân các ngân hàng trong phạm vi phân tích của chúng tôi và thấp hơn hầu hết các NHTM tư nhân, mặc dù tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn giảm xuống 23% từ 26% trong Q1/2026 và 29% vào cuối năm 2025.
- Lợi suất tài sản chỉ tăng 34 điểm cơ bản so với quý trước và tăng 88 điểm cơ bản so với cùng kỳ, tốc độ điều chỉnh chậm hơn đáng kể so với các NHTM tư nhân khác.

BLĐ giữ nguyên mục tiêu tỷ lệ NIM năm 2026 ở mức khoảng 3,2%, cho thấy kỳ vọng tỷ lệ NIM sẽ phục hồi trong những quý tới.

Bức tranh chất lượng tài sản trái chiều

Chất lượng tài sản tiếp tục cho thấy bức tranh trái chiều.

- Về mặt tích cực, các chỉ số nợ quá hạn nhìn chung vẫn được kiểm soát tốt. Tỷ lệ nợ xấu giảm xuống 2,5% từ 2,7% trong Q1/2026, trong khi tỷ lệ nợ nhóm 2 ổn định ở mức 1,3%. Tỷ lệ nợ xấu mới hình thành ở mức 1,3%, tương đương bình quân 2 năm qua trong giai đoạn chất lượng tài sản phục hồi.
- Tuy nhiên, tỷ lệ lãi dự thu trên dư nợ nhóm 1 tiếp tục tăng lên 5,6%, mức cao nhất trong 5 năm qua. Mặc dù điều này chưa làm tăng ngay lập tức nợ quá hạn, chúng tôi cho rằng đây sẽ là rủi ro tiềm ẩn về chất lượng tài sản.

Chi phí dự phòng giảm 22% so với cùng kỳ trong Q2/2026 và giảm 4% so với cùng kỳ trong nửa đầu năm 2026, chỉ bằng 40% dự báo chi phí dự phòng năm 2026 và thấp hơn dự báo 6 tháng của chúng tôi. Trong khi đó, tỷ lệ bao phủ nợ xấu LLR duy trì ổn định ở mức 52%, nhìn chung tương đương bình quân các NHTM tư nhân Tier 2.

Thu nhập ngoài lãi nhìn chung kém tích cực

Thu nhập ngoài lãi giảm 59% so với cùng kỳ khi các mảng kinh doanh nhìn chung đều kém tích cực. Lãi thuần HĐ dịch vụ giảm 40% so với cùng kỳ, chủ yếu do thu nhập phí khác sụt giảm mạnh, khả năng là các khoản phí liên quan

đến hoạt động L/C. Trong khi đó, cả hoạt động kinh doanh ngoại hối và mua bán trái phiếu đều lỗ nhẹ, so với lãi cùng kỳ năm ngoái.

Các thông tin khác từ cuộc họp công bố KQKD

BLĐ vẫn lạc quan về khả năng ghi nhận một khoản lãi một lần đáng kể trong năm nay, ước tính đóng góp 1-2,5 nghìn tỷ đồng vào lợi nhuận năm nay. Theo đó, LNTT năm 2026 dự báo đạt khoảng 8,5-10 nghìn tỷ đồng, cao hơn khoảng 2-20% so với dự báo hiện tại của chúng tôi ở mức 8,3 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 18%).

Chúng tôi hiện giả định Ngân hàng sẽ ghi nhận 1,2 nghìn tỷ đồng thu nhập một lần trong năm 2026 và 500 tỷ đồng trong năm 2027.

HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 3% trong 1 tháng qua, MSB đang giao dịch với P/B dự phóng năm 2026 là 1,01 lần, thấp hơn 22% so với bình quân nhóm NHTM tư nhân ở mức 1,31 lần với hệ số ROE dự phóng năm 2026 thấp hơn (14,6% so với 17,1%). HSC duy trì khuyến nghị Nắm giữ và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	18,681	21,601	28,424	32,005	36,331
Chi phí lãi	(8,438)	(10,654)	(15,583)	(17,394)	(19,668)
Thu nhập lãi thuần	10,243	10,947	12,841	14,612	16,663
Lãi thuần HĐ dịch vụ	1,354	1,753	1,881	2,158	2,444
Lãi thuần HĐ KDNH	1,056	845	818	938	1,062
Lãi/lỗ từ mua bán CK	273	(76.7)	(171)	(134)	(152)
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0	0	0	0	0
Thu nhập khác	1,292	576	1,649	774	301
Tổng thu nhập HĐ	14,218	14,045	17,018	18,347	20,318
Chi phí HĐ	(5,230)	(5,068)	(6,104)	(6,567)	(7,285)
LN trước dự phòng	8,988	8,977	10,913	11,780	13,033
Chi phí dự phòng	(2,084)	(1,918)	(2,587)	(3,334)	(4,053)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	6,904	7,058	8,326	8,446	8,980
Chi phí thuế TNDN	(1,384)	(1,430)	(1,663)	(1,689)	(1,796)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Lợi nhuận thuần	5,520	5,629	6,663	6,757	7,184
EPS (đồng)	1,769	1,804	2,135	2,166	2,303
DPS (đồng)	0	0	0	0	0
Slg CP bình quân (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	3,120	3,120	3,120	3,120	3,120

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	1,203	1,459	1,664	1,887	2,137
Tiền gửi tại NHNN	5,495	9,820	11,205	9,381	10,624
Tiền gửi tại các TCTD khác	60,936	73,969	87,466	99,175	106,243
Chứng khoán kinh doanh	0	0	0	0	0
Các công cụ tài chính phái sinh	0	0	0	0	0
Số dư cho vay thuần	173,467	202,358	232,949	264,268	299,166
Tổng dư nợ cho vay	176,493	205,209	236,020	267,664	303,175
Dự phòng rủi ro	(3,026)	(2,851)	(3,070)	(3,396)	(4,009)
Chứng khoán đầu tư	65,570	97,293	87,466	99,125	112,208
CK đầu tư sẵn sàng để bán	65,605	97,308	87,469	99,128	112,211
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	0	0	0	0	0
Dự phòng rủi ro	(34.9)	(14.7)	(2.82)	(2.82)	(2.82)
Đầu tư dài hạn	12.0	1.24	1.41	1.61	1.83
Tài sản cố định	433	498	568	536	607
Tài sản khác	13,032	22,276	23,852	26,285	29,777
Tổng tài sản	320,148	407,674	445,173	500,659	560,764
Nợ phải trả	283,331	365,228	396,047	444,775	497,696
Tiền gửi của NHNN	9,204	23,067	11,820	13,402	6,071
Tiền gửi của các TCTD khác	92,189	108,610	125,990	138,568	160,028
Tổng tiền gửi KH	154,612	196,672	211,512	239,825	271,598
Trái phiếu và CCTG	21,211	29,634	37,326	42,322	47,929
Nợ khác	5,384	6,812	8,274	9,381	10,624
Vốn chủ sở hữu	36,817	42,446	49,126	55,883	63,067
Vốn điều lệ	26,000	31,200	37,440	37,440	37,440
Thặng dư vốn cổ phần	33.0	33.5	33.5	33.5	33.5
Lợi nhuận giữ lại	7,495	6,818	6,413	12,170	18,341
Quỹ & vốn khác của CSH	3,289	4,394	5,240	6,239	7,253
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	320,148	407,674	445,173	500,659	560,764
BVPS (đồng)	11,800	13,605	15,746	17,911	20,214

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	19.9	27.3	9.20	12.5	12.0
Tăng trưởng cho vay KH (%)	18.3	16.3	15.0	13.4	13.3
Tăng trưởng huy động KH (%)	16.8	27.2	7.55	13.4	13.2
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	24.4	28.7	9.96	13.4	13.2
Tăng trưởng VCSH (%)	17.6	15.3	15.7	13.8	12.9
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	11.5	6.88	17.3	13.8	14.0
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	8.68	(3.11)	20.5	7.58	10.9
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	20.7	(0.12)	21.6	7.95	10.6
Tăng trưởng LNTT (%)	18.4	2.24	18.0	1.44	6.32
Tăng trưởng LN thuần (%)	18.9	1.97	18.4	1.41	6.32

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	4.84	3.86	3.99	3.88	3.83
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.78)	(1.39)	(1.43)	(1.39)	(1.37)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	95.6	95.5	94.8	94.9	94.9
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.13	2.10	2.55	2.75	3.04
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	nm	nm	nm	nm	nm

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	9.02	8.84	7.47	7.36	6.93
P/B (lần)	1.35	1.17	1.01	0.89	0.79
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	38.8	40.1	39.2	36.8	35.4
ROAA (%)	1.88	1.55	1.56	1.43	1.35
ROAE (%)	16.2	14.2	14.6	12.9	12.1
Chi phí huy động BQ (%)	3.34	3.35	4.19	4.24	4.28
Lợi suất góp BQ (%)	6.66	6.22	7.03	7.13	7.21
Lợi suất thuần (%)	3.32	2.86	2.85	2.89	2.93
Tỷ lệ NIM (%)	3.65	3.15	3.18	3.26	3.31
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	9.52	12.5	11.1	11.8	12.0
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	72.0	77.9	75.5	79.6	82.0
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	18.4	9.57	13.5	8.60	5.96
Tỷ lệ CIR (%)	36.8	36.1	35.9	35.8	35.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	0	0	0

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.4	12.7	11.9	13.3	13.3
VCSH/Tổng TS (%)	11.5	10.4	11.0	11.2	11.2
Đòn bẩy vốn (lần)	8.70	9.60	9.06	8.96	8.89

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	2.67	2.69	2.85	2.80	2.75
Hệ số LLR (%)	64.1	51.6	45.6	45.3	48.1

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	114	104	112	112	112
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	34.4	32.4	33.6	32.9	33.4
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	55.1	50.3	53.0	53.5	54.1

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	0	0	0	0	0
Số lượng nhân viên	6,678	6,678	6,678	6,678	6,678

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn